

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**
Bản án số: 75/2017/DS-ST
Ngày 21/9/2017
V/v “*Tranh chấp kiện đòi
tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Ngọc Lợi

Ông Huỳnh Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2015/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2015 về “tranh chấp kiện đòi tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2017/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H; sinh năm: 1968 (có mặt); Địa chỉ: Số 11, ấp Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

Bị đơn: Ông Đỗ Hoàng K; sinh năm: 1977 (có mặt); Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hồ Văn S, sinh năm: 1982; Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/8/2015 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Do bà làm chủ cơ sở xay xát lúa gạo và có nhu cầu mua lúa sản xuất kinh doanh, bà có đến địa phương xã N để nhờ ông K là đầu mối nên bà có đưa cho ông K số tiền 320.000.000 đồng đi bỏ cọc lúa vào các ngày 02,04,06/4/2015 (al). Giá bỏ cọc là 200.000 đồng/công quy ra công tầm cắt ông K phải mua 1.600 công đất, lúa mua loại IR 504 hai bên không làm hợp đồng, bà đưa tiền và làm biên nhận tiền, biên nhận do

ông Hồ Văn S người chạy cò chung với ông K viết và ông K ký tên cụ thể bà đưa tiền vào các ngày:

- + Ngày 02/4/2015 al bà đưa cho ông K 101.000.000 đồng;
- + Ngày 04/4/2015 al bà đưa cho ông K 40.000.000 đồng;
- + Ngày 06/4/2015 al bà đưa cho ông K 179.000.000 đồng.

Số tiền này bà đưa ông K để bỏ cọc lúa cho chủ ruộng đến ngày thu hoạch ông K sẽ điện cho bà biết ngày điều ghe xuống cân lúa, mỗi chuyến xuống cân bà sẽ trừ vào số tiền cọc mà bà đưa cho ông K đã bỏ cọc trước đó. Bà H trả tiền cò cho ông K là 20 đồng/kg lúa tươi. Trong quá trình vào vụ cân lúa bà trừ được 168.400.000 đồng, tương đương với số lúa cân là 1.478.432 kg x 20 đồng/kg lúa tươi tiền cò ông K được nhận là 29.568.640 đồng; còn lại 151.600.000 đồng do bà bị tai nạn giao thông không trực tiếp xuống cân lúa được mà chỉ cho ghe xuống cân thì ông K không cho chủ ruộng trừ tiền cọc cho chủ ghe cân mà nói giữ lại sẽ đưa sau. Như vậy, sau khi trừ số tiền cò ông K được nhận vào số tiền ông K còn giữ thì ông K còn phải trả cho bà là 122.031.360 đồng. Khi kết thúc vụ lúa bà có đến nhà ông K đòi lại số tiền 122.031.360 đồng thì ông K trả lời với rằng đã bỏ cọc, do bà H không cân lúa nên bị mất tiền cọc. Nay bà khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông K phải trả lại cho bà số tiền 122.031.360 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Đỗ Hoàng K trình bày: Vào vụ hè thu năm 2015 ông có tham gia chạy cò lúa cho bà H ở tỉnh Đ, bà H sẽ trả tiền cò cho ông vì ông là người địa phương. Tham gia chạy cò cùng ông có Hứa Văn Ch và Hồ Văn S. Bà H cho rằng đưa tiền mặt cho ông tổng cộng 320.000.000 đồng là không đúng, ông chỉ nhận từ bà H tiền mặt là 20.000.000 đồng vào ngày 04/4/2015al, số tiền còn lại bà H đi bỏ cọc lúa ở nhà chủ ruộng cùng với ông, bà H là người trực tiếp đưa tiền, khi mua có làm hợp đồng với chủ ruộng hợp đồng có khi bà H ký có khi ông ký. Sau đó, tới ngày cân lúa bà H điều ghe xuống trể nên có một số chủ ruộng bán lúa cho chủ khác hoặc đem về sấy khô, lý do bà H điều ghe xuống trể nên bà H phải chịu mất cọc chứ ông không có giữ lại số tiền như bà H nói. Ông thừa nhận có ký các biên nhận ngày 02,04,06/4/2015 al nhưng ký để làm tin còn làm ăn lâu dài, sau khi đi bỏ cọc lúa về ngồi quán nước tính toán lại và người chạy chung cò với ông là Hứa Văn S viết giấy biên nhận. Nay bà H dựa vào các biên nhận ông ký mà yêu cầu ông trả tiền là không đúng, ông không đồng ý trả số tiền 122.031.360 đồng như bà H yêu cầu vì số tiền này đem bỏ cọc do vi phạm cân lúa trể cho nên chủ ruộng không trả lại tiền cọc, bà H phải chịu mất khoản tiền này. Tôi yêu cầu bà H phải trả cho tôi số tiền huê hồng là 25.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Văn S trình bày: Vào vụ hè thu năm 2015 ông có tham gia chạy cò lúa cùng với ông Đỗ Hoàng K và ông Hứa Văn Ch, ông thống nhất với lời trình bày của ông K là ông chỉ viết biên nhận tiền sau khi cùng ông S đi bỏ cọc lúa về chứ không phải như bà H trình bày ông K nhận tiền mặt từ bà Hà. Bà H bỏ cọc lúa cho chủ ruộng do bà vi phạm thời gian cân lúa nên chủ ruộng bán lúa cho các chủ ghe khác hoặc họ chở lúa về nhà sấy do bà H vi phạm cân trể nên mất cọc chứ không phải lỗi do ông và ông K, bà H khởi kiện yêu cầu ông K trả số tiền 122.031.360 đồng tôi thấy không đúng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Các đương sự cũng chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Thời hạn đưa ra xét xử chưa đảm bảo, còn để án quá hạn luật định nhưng do vụ án có tính chất phức tạp.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng nhận thấy như sau: Giữa ông K và bà H có thỏa thuận với nhau về việc mua bán lúa, bà H đưa tiền cho ông K là 320.000.000 đồng làm 03 lần, đồng thời ông K có viết biên nhận và ký tên. Khi cân lúa thì bà H cân đủ với số lúa mà hai bên đã thỏa thuận và chỉ trừ cọc là 168.410.000 đồng, số còn lại ông K chưa trả cho bà H là 151.600.000 đồng, sau khi trừ vào số tiền huê hồng ông K được hưởng 29.568.640 đồng, số tiền còn lại 122.031.360 đồng bà H yêu cầu ông K phải trả số tiền này cho bà. Tại phiên tòa hôm nay ông K yêu cầu bà H trả cho ông số tiền huê hồng ông được hưởng là 25.000.000 đồng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông K chỉ thừa nhận có thu hồi được số tiền cọc là 85.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu của bà H, buộc ông K trả cho bà số tiền 85.000.000 đồng và khấu trừ vào số tiền huê hồng ông K được hưởng là 25.000.000 đồng. Còn lại 60.000.000 đồng ông K phải trả cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H đối với ông Đỗ Hoàng K về việc ông K nhận tiền của bà H đi b ở cọc lúa cho bà H hai bên có làm biên nhận, biên nhận do ông Hồ Văn S người tham gia chạy cò chung với ông K viết và ông K đồng ý ký tên nhưng trong quá trình cân lúa bà H bị tai nạn giao thông không trực tiếp xuống theo ghe cân lúa được nên ông K không cho chủ ruộng trừ tiền cọc mà ông K nói với chủ ruộng để ông tính với bà H. Trái với lời trình bày của bà H thì ông K cho rằng do bà H vi phạm thời gian cân lúa, bà H cân không đủ với số lúa như thỏa thuận ban đầu nên mất cọc. Theo bản kê tính toán của bà H và bản ghi chú của ông K thì số lúa bà H cân là tương ứng với số lúa hai bên thỏa thuận ban đầu. Đồng thời, tại biên bản hòa giải ngày 23/6/2016 và tại phiên tòa ông K cũng thừa nhận có đi gom được 85.000.000 đồng

tiền cọc lúa nhưng số tiền này ông K cho rằng do bà H cân lúa không đủ với số lúa như thỏa thuận ban đầu nên bà H có điện cho ông mua thêm 500 công nhưng bà H không chuyển tiền cho ông nên ông lấy tiền nhà đi mua cho bà H, ông gom số tiền cọc được 85.000.000 đồng là để bù vào khoản bà H kêu mua thêm. Trong suốt quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bà H không thừa nhận có điện cho ông K mua thêm lúa. Tòa án có ra thông báo số 90/TB-TA, ngày 0/7/2017 yêu cầu ông K cung cấp giấy tờ chứng minh cho việc ông bỏ tiền ra mua cho bà H 500 công như lời ông K trình bày. Cho đến nay thì ông K cũng không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày trên của ông là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Hội đồng xét xử thấy rằng ông K là người tham gia chạy cò lúa, sau khi nhận tiền của người mua lúa đi bỏ cọc cho chủ ruộng với hình thức đặt cọc làm tin khi tới ngày cân lúa thì chủ ruộng phải trừ lại số tiền đã bỏ cọc, ông K tự ý giữ lại số tiền cọc ông đã gom được mà không giao trả lại cho bà H là vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với bà H. Tuy nhiên, theo đơn bà H kiện yêu cầu ông K trả số tiền 122.031.360 đồng nhưng ông K chỉ thừa nhận ông chỉ gom được 85.000.000 đồng và trong quá trình hòa giải bà H cũng thừa nhận do vụ hè thu năm 2015 mua lúa kéo dài, bà cũng có điều ghe xuống trễ 01 hoặc 02 ngày nên sẽ có chủ ruộng không đợi được, hoặc đợi để lúa lâu sẽ bị mất ký thì những hộ trên sẽ không trả cọc lại cho bà H, theo biên bản xác minh thì một số chủ ruộng cũng thừa nhận là chủ ghe đến cân lúa trễ so với hợp đồng ban đầu thì chủ ruộng không trả lại tiền cọc. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông K thừa nhận có gom được 85.000.000 đồng tiền bỏ cọc lúa là phù hợp. Số tiền này đến nay ông K vẫn chưa trả cho bà H nên bà H khởi kiện là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại điểm d khoản 02 Điều 09 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên chấp nhận một phần yêu cầu của bà H. Xử buộc ông Đỗ Hoàng K phải trả cho bà H số tiền 85.000.000 đồng.

Xét đơn phản tố của ông K yêu cầu bà H thanh toán số tiền huê hồng cho ông là 25.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi. Nhưng theo đơn khởi kiện bà H tính toán số tiền huê hồng ông K được hưởng tương ứng với số lúa bà đã cân và bà đồng ý trả cho ông K số tiền huê hồng là 29.568.640 đồng. Tại phiên tòa hôm nay ông K chỉ yêu cầu bà H trả số tiền huê hồng cho ông là 25.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trên của ông K và xử buộc bà H trả cho ông K số tiền huê hồng là 25.000.000 đồng. Đối với phần tiền huê hồng ông K xin rút yêu cầu tính lãi, xét thấy việc ông K rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này của ông K theo quy định tại khoản 02 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Như đã phân tích ở trên, số tiền ông K phải trả cho bà H là 85.000.000 đồng nhưng khấu trừ vào số tiền bà H phải trả huê hồng cho ông K là 25.000.000 đồng. Còn lại 60.000.000 đồng ông K phải tiếp tục thanh toán cho bà H.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 01 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của bà H được chấp nhận một phần nên bà H phải chịu án phí giá ngạch đối với phần không được chấp nhận là $37.031.360 \text{ đồng} \times 5\% = 1.851.568 \text{ đồng}$ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0004398 ngày 25/11/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Còn lại 1.148.432 đồng hoàn trả lại cho bà H.

Ông K phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là : $60.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.000.000 \text{ đồng}$ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai số 0007408 ngày 23/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Ông K còn phải nộp tiếp 2.400.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ điểm d khoản 02 Điều 09 của Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 1 Điều 147, khoản 02 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H đối với ông Đỗ Hoàng K.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đỗ Hoàng K đối với bà Nguyễn Thị Thu H chưa thanh toán phần huê hồng cho ông K.

Xử buộc ông Đỗ Hoàng K phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 85.000.000 (tám mươi lăm triệu) đồng; nhưng khấu trừ vào số tiền bà H phải trả huê hồng cho ông K là 25.000.000 đồng. Còn lại 60.000.000 đồng ông K phải tiếp tục thanh toán cho bà H.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Đỗ Hoàng K về việc tính lãi của số tiền huê hồng.

- Về án phí: Yêu cầu của bà H được chấp nhận một phần nên bà H phải chịu án phí giá ngạch đối với phần không được chấp nhận là $37.031.360 \text{ đồng} \times 5\% = 1.851.568 \text{ đồng}$ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0004398 ngày 25/11/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Còn lại 1.148.432 đồng hoàn trả lại cho bà H.

Ông K phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là : $60.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.000.000 \text{ đồng}$ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp là

600.000 đồng theo biên lai số 0007408 ngày 23/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Ông K còn phải nộp tiếp 2.400.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/9/2017).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng

Nguyễn Thị Chuyên

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Dương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**